TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2024
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.
Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2024, tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2024 về việc "*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-DS ngày 28/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Nơi thường trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Thanh A, sinh năm 1982.

Nơi thường trú: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Tôi và anh Trương Thanh A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2006. Đến năm 2012 chúng tôi mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy đăng ký kết hôn số 14 cấp ngày 06 tháng 02 năm 2012. Từ khi chung sống và đến khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên cãi nhau; cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, tôi và anh Anh cũng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình xảy ra ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trương Thanh A.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung là cháu Trương Thị Bảo N, sinh ngày 04/4/2008 và cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 24/10/2009. Từ khi tôi và anh A ly thân đến nay cháu N ở với tôi, còn cháu K ở với anh A. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị Bảo N đến tuổi trưởng thành và giao cháu Trương Tuấn K cho anh Trương Thanh A chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Thanh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Thanh A; Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Thị Bảo N, sinh ngày 04/4/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Giao cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 24/10/2009 cho anh Trương Thanh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Thanh A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Thanh A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2012. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị T thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên cãi nhau; cuộc sống hôn nhân không hòa hợp; từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trương Thanh A nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh A thường xuyên mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm rõ; hiện chị T và anh A đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Thanh A.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Trương Thanh A có hai con chung là cháu Trương Thị Bảo N, sinh ngày 04/4/2008 và cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 24/10/2009; hiện cháu N đang ở với chị T, nguyện vọng của cháu N là được ở với mẹ; nguyện vọng của của chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Trương Tuấn K, theo kết quả xác minh tại địa phương, cháu K hiện đang sinh sống cùng với anh A tại thôn T, xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, để đảm bảo tâm lý; điều kiện học hành; sinh hoạt và không gây xáo trộn trong cuộc sống của các con chung, HĐXX xét thấy cần giao con chung là cháu Trương Thị Bảo N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; giao cháu Trương Tuấn K cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Thanh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Thanh A.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Thị Bảo N, sinh ngày 04/4/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Giao cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 24/10/2009 cho anh Trương Thanh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Thanh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005741 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy